TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ M** TỈNH AN G	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2024/DS-ST
Ngày: 25/4/2024
"V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ M, TỈNH AN G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Vũ Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Nhàn;

2. Ông Nguyễn Văn Trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An G tham gia phiên toà: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ M xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 152/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2024 về việc "tranh chấp hợp đồng dân sự về hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Mỹ V, sinh năm 1963; địa chỉ: số 1260, tổ 14, ấp Mỹ Thuận, xã Mỹ Hội Đ, huyện Chợ M, tỉnh An G; có mặt.

2. Bị đơn: Bà Ngụy Hoàng O, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp Mỹ Hội, xã Mỹ Hội Đ, huyện Chợ M, tỉnh An G; có mặt.

Ông Đặng Hữu Thạnh, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp Mỹ Hội, xã Mỹ Hội Đ, huyện Chợ M, tỉnh An G; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Hoàng Phúc, sinh năm 1995; địa chỉ: số 1260, tổ 14, ấp Mỹ Thuận, xã Mỹ Hội Đ, huyện Chợ M, tỉnh An G; có ý kiến xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ V trình bày: Do chỗ quen biết

với bà O, ông Thạnh, bà có tham gia 01 dây hụi 10.000.000 đồng/tháng khui ngày 24/05/2023 (al) hụi có 22 hụi viên, dây hụi này bà tham gia 02 phần (trong dây hụi này chủ hụi ghi tên " Chị V số thứ tự số 06 và Phúc số thứ tự 21". Bà chầu được lần 08 lần trong 02 phần hụi thì bà O tuyên bố bể hụi và không khui tiếp tục, do đó số tiền bà được hưởng là 160.000.000 đồng. khi bà O bể hụi thì bà O có làm biên nhận với bà nội dung "em Ngụy Hoàng O có thiếu chị V 160.000.000 đồng tiền hụi có phần lời" trong danh sách hụi bà O ghi tên "Phúc" là con bà V nhưng thực chất bà V là người trực tiếp giao dịch hụi, chầu hụi và đóng hụi cho bà O. Hụi hiện nay chưa mãn, nhưng bà O không khui tiếp tục. Trong thời gian chơi hui thì vợ chồng bà O ông Thạnh đều đi góp hụi các hụi viên.

Tại phiên Tòa bà V xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là số tiền 14.000.000 đồng, vì trong thời gian bà O tuyên bố bể hụi thì bà O có giao cho bà số tài sản trị giá 14.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà O, ông Thạnh phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền hụi sau khi khấu trừ còn nợ lại là 146.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Tại tờ tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Ngụy Hoàng O trình bày: Bà cũng thống nhất số tiền hụi mà bà V chầu trong 02 dây hụi là 160.000.000 đồng (nhưng trong đó có phần tiền vốn và phần tiền lời), sau đó bà có giao một số tài sản cho bà V trị giá là 14.000.000 đồng nên hiện nay bà còn nợ bà V số tiền hụi là 146.000.000 đồng. Nay hoàn cảnh gia đình khó khăn cho bà xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi dứt số tiền 146.000.000 đồng, khi nào bà có tiền nhiều thì bà sẽ trả nhiều hơn.

Tại tờ tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đặng Hữu Thạnh trình bày: Ông là chồng bà O, ông thừa nhận số tiền hụi bà O hiện nay nợ bà V là 146.000.000 đồng thì ông cũng biết, bà O khui hụi với mục đích sinh hoạt trong gia đình. Nay hoàn cảnh gia đình khó khăn cho ông cũng hứa cùng bà O xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi dứt số tiền 146.000.000 đồng, khi nào có tiền nhiều thì vợ chồng ông sẽ trả nhiều hơn.

Tại tờ tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hoàng Phúc trình bày: Ông xác định là tên ông có trong danh sách hụi do bà O ghi nằm số thứ tự 21, người trực tiếp tham gia khui hụi và chầu hụi là bà V, sở dĩ có tên ông là do bà V không biết nên bà V kêu chủ hụi ghi tên ông. Ông không liên quan gì đến vụ hụi này. Cho ông xin vắng mặt tại các buổi hòa giải và xét xử.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình (bản sao); danh sách hụi viên (bản photo).

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; không còn tài liệu, chứng cứ nào khác.

- Bị đơn bà Ngụy Hoàng O, ông Đặng Hữu Thạnh vẫn thừa nhận hiện nay còn thiếu số tiền hụi của bà V là 146.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hoàng Phúc có ý kiến xin vắng mặt tại phiên tòa nên không ghi nhận ý kiến nào khác.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Hoàng Phúc có ý kiến xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Hoàng Phúc phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến giải quyết vụ án:

Năm 2023, bà Phạm Thị Mỹ V có tham gia dây hụi 10.000.000 đồng/tháng do bà O làm chủ, hụi khui ngày 24/05/2023 (al) hụi có 22 hụi viên, dây hụi này bà V tham gia 02 phần, đã chầu được lần 08 lần với số tiền là 160.000.000 đồng. Do bà O tự ý tuyên bố ngừng hụi không khui tiếp tục giao dịch nên bà V khởi kiện yêu cầu bà O, ông Thạnh trả 160.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa, bà V yêu cầu bà O, ông Thạnh trả số tiền 146.000.000 đồng, phía bà O và ông Thạnh thống nhất số nợ 146.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà V số nợ trên.

Xét thấy, các đương sự thống nhất giao dịch hụi, do bà O không hoàn thành nghĩa vụ của chủ hụi và tuyên bố vỡ hụi nên có trách nhiệm hoàn trả số tiền hụi đã nhận từ bà V. Tuy nhiên tại phiên tòa, bà O, ông Thạnh thống nhất trả cho bà V số tiền hụi 146.000.000 đồng, còn phương thức thanh toán sẽ thỏa thuận tại giai đoạn thi hành án nên cần ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự, Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án, buộc bà O, ông Thạnh trả cho bà V số tiền 146.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Phạm Thị Mỹ V khởi kiện yêu cầu bà Ngụy Hoàng O, ông Đặng Hữu Thạnh có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hụi cho bà số tiền hụi 160.000.000. Bà O, ông Thạnh có nơi cư trú tại ấp Mỹ Hội, xã Mỹ Hội Đ, huyện Chợ M, tỉnh An G. Tòa án nhân dân huyện Chợ M thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[2] *Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:*

Qua lời khai và lời trình bày của bà V tại các biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ cung cấp và qua quá trình bà giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xác định giữa bà V với bà O có ký kết hợp đồng góp hụi giữa hai bên phù hợp với quy định của pháp luật. Nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, không trái đạo đức xã hội, do bà O tuyên bố bể hụi và không khui tiếp tục, trả số tiền hụi mà bà V đã chầu cho bà O khi bà V có yêu cầu là vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 282, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 để Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại phiên tòa bà V xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 14.000.000 đồng, do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên cần Đình chỉ đối với yêu cầu này là phù hợp với quy định pháp luật được quy định tại Điều 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà O, ông Thạnh cũng thừa nhận số tiền hụi mà bà V được hưởng là 146.000.000 đồng, do hoàn cảnh khó khăn nên không thể thanh toán cho bà V một lần, khi nào bà thu tiền được từ các hụi viên khác thì vợ chồng ông sẽ trả cho bà V.

Trong số các tài liệu, chứng cứ do bà V cung cấp có danh sách hụi được bà O ghi nằm các số thứ tự 06 và 21 trong 02 phần hụi.

Như vậy, lời khai của bà V phù hợp với danh sách hụi và lời trình bày của bà V tại phiên tòa, do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V.

[4] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nghĩa vụ trả nợ của bị đơn:*

Bà V yêu cầu bà O, ông Thạnh cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền hụi 160.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà V xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 14.000.000 đồng, bà chỉ yêu cầu ông Thạnh, bà O có nghĩa vụ trả cho bà số tiền hụi còn thiếu lại là 146.000.000 đồng.

Đối với nghĩa vụ trả nợ của bị đơn: Từ khi bà O tuyên bố bể hụi không khui tiếp tục, bà O có giao một số tài sản cho bà V trị giá 14.000.000 đồng và không trả số tiền hụi còn lại mà bà V được hưởng là 146.000.000 đồng cho đến nay, mặc dù bà V có yêu cầu nhiều lần. Bà O, ông Thạnh cũng thống nhất và

hiện nay còn nợ bà V số tiền hụi 146.000.000 đồng, do hoàn cảnh gia đình khó khăn ông, bà không thể trả một lần cho bà V.

Từ những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của bà V tại phiên Tòa, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V là phù hợp với quy định pháp luật tại các Điều 466, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án bà V không yêu cầu tính lãi suất. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa, do bà O, ông Thạnh thống nhất trả cho bà V số tiền hụi 146.000.000 đồng, còn phương thức thanh toán sẽ thỏa thuận tại giai đoạn thi hành án nên cần ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự. Vì vậy Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án, buộc bà O, ông Thạnh trả cho bà V số tiền hụi là 146.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy giữa các đương sự đã thống nhất về số tiền nhưng chưa thống nhất về phương thức thanh toán, do đó Hội đồng xét xử không công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án như đề nghị của Kiểm sát viên. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu của khởi kiện của bà Phạm Thị Mỹ V, buộc bà Ngụy Hoàng O, ông Đặng Hữu Thạnh có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Mỹ V số tiền hụi là 146.000.000 đồng, còn phương thức thanh toán giữa bà Phạm Thị Mỹ V với bà Ngụy Hoàng O, ông Đặng Hữu Thạnh sẽ được giải quyết tại giai đoạn Thi hành án.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Ngụy Hoàng O, ông Đặng Hữu Thạnh phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Bà Phạm Thị Mỹ V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều:

Điều 282, 466, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 26, 35, 39, 144, 146, 147, 217, 218, 227, 228, 235, 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Mỹ V.

Buộc bà Ngụy Hoàng O, ông Đặng Hữu Thạnh có nghĩa trả cho bà Phạm Thị Mỹ V số tiền hụi 146.000.000 đồng (một trăm bốn mươi sáu triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Mỹ V đối với số tiền 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Ngụy Hoàng O, ông Đặng Hữu Thạnh phải chịu 7.300.000 đồng (bảy triệu ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị Mỹ V thuộc trường hợp miễn án phí, bà không đóng tiền tạm ứng án phí, do đó bà không được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

3. Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ M;
- TAND tỉnh An G;
- Chi cục THADS H. Chợ M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Vũ Sơn